TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2026/HS-ST
Ngày: 19-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vi Thị Tâm Lai;

2. Bà Nguyễn Lê Thanh Mai;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 102/2026/TLST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2026/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2026, đối với bị cáo:

Đặng Thị Hồng T, sinh năm 1994, tại tỉnh Đồng Tháp; căn cước công dân số H; nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng Đ (đã chết) và bà Đặng Thị M; bị cáo có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Bị hại*: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 2006; địa chỉ: Ấp T, xã C, tỉnh Vĩnh Long, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Hộ kinh doanh S1; trụ sở: Số E, đường P, khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Chủ hộ kinh doanh: Ông Phạm Hồng S, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ B, ấp D, L, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên lạc: Số E, đường P, khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Ông Phạm Hồng L, sinh năm 2001; địa chỉ: Tổ B, ấp D, L, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên lạc: Số E, đường P, khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Thị Hồng T là nhân viên của quán K, ngày 16 tháng 7 năm 2025, T xin nghỉ việc tại quán K, trong lúc T dọn đồ cá nhân để rời khỏi quán thì T nhìn thấy một chiếc điện thoại di động Iphone 14 Promax, màu trắng của Nguyễn Thị Ngọc T1 đang sạc pin trên giường trong phòng ngủ của nhân viên nên T lén lút lấy cất giấu vào người rồi rời khỏi quán. Ngày 17 tháng 7 năm 2025, T mang chiếc điện thoại Iphone 14 Promax đã lấy trộm của T1 đem bán tại cửa hàng điện thoại di động S, địa chỉ tại đường P, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Phạm Hồng S làm chủ với giá 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), sau đó T về quê của mình tại ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Ông S (chủ cửa hàng Đ1) khai nhận không biết chiếc điện thoại trên do T trộm cắp mà có và đã bán lại cho khách hàng (không rõ địa chỉ).

Ngày 02 tháng 8 năm 2025, Đặng Thị Hồng T biết hành vi trộm cắp tài sản của mình đã bị phát hiện nên đã đến Công an phường C đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) T đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân nên cơ quan cảnh sát điều tra không thu hồi được.

Theo Bản Kết luận định giá tài sản số 9573/KL-HĐĐGTS ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự cấp Thành phố kết luận về giá: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu trắng, dung lượng 512GB đã qua sử dụng, trị giá là 17.833.000 đồng.

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng: Không

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại T1 đã nhận lại số tiền 17.833.000 đồng và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số 153/CT-VKSKV15 ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Đặng Thị Hồng T để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; sau khi phạm tội, bị cáo đầu thú; ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định; đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, xử phạt bị cáo Đặng Thị Hồng T từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm.

Về xử lý vật chứng, không đặt ra xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Tại phần tranh luận: Bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đề nghị.

Bị cáo T không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Thị Hồng T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, Bản kết luận định giá tài sản cùng những tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định: Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại phòng ở tập thể dành cho nhân viên của quán K, địa chỉ: Số E, khu phố E, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh, Đặng Thị Hồng T có hành vi lén lút lấy trộm của bà Nguyễn Thị Ngọc T1 một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu trắng, dung lượng 512GB trị giá 17.833.000 đồng (theo Bản Kết luận định giá tài sản số 9573/KL-HĐĐGTS ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự cấp Thành phố). Hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội; bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về nhận thức, bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam, tư lợi và ý thức chấp hành pháp luật kém nên bị cáo đã thực hiện; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý.

[4] Hành vi mà bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Vì vậy, với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử căn cứ hành vi, nhân thân, mức độ lỗi của bị cáo mà có mức hình phạt tương xứng.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa,

bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của bản thân; đã tự nguyện bồi thường số tiền 17.833.000 đồng cho bị hại; sau khi phạm tội, bị cáo đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Nhận thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định. Hội đồng xét xử nhận thấy bản thân bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội cũng như không ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương. Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát khi quyết định hình phạt nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và bị cáo đã thỏa thuận về việc bồi thường, các bên không có yêu cầu gì khác nên không đề cập xử lý.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Thị Hồng T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Hồng T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (19 tháng 5 năm 2026).

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 135/2026/CĐKNCT-TA ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Đặng Thị Hồng T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TAND KHU VỰC 15

OGY190526.TL.QDBA
1803

Nguyễn Thị Thúy Hằng